

Ch^hnh ph^h

C^hng h^h x^h h^h ch^h ngh^h vi^h nam
§^h I^h - T^h do - H^hnh ph^h

S^h: /2013/N§-
CP

H^h N^h, ng^h th^hng n^hm 2013

D^h th^ho 2

NGHỊ ĐỊNH
Quy định chi tiết khoản 3 điều 54 của
Bộ luật Lao động về cho thuê lại lao động

ch^hnh ph^h

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;
Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;
Căn cứ Bộ luật Lao động ngày 18 tháng 6 năm 2012;
Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,

Ngh^h §^hnh

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành khoản 3 Điều 54 của Bộ luật Lao động về việc cấp phép hoạt động cho thuê lại lao động, việc ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động và danh mục công việc được thực hiện cho thuê lại lao động.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Doanh nghiệp cho thuê lại lao động;
2. Bên thuê lại lao động;
3. Người lao động thuê lại.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Doanh nghiệp cho thuê lại lao động* là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật, có thuê mướn, sử dụng lao động theo hợp đồng lao động nhưng sau đó cung ứng người lao động của mình sang làm việc tạm thời cho người sử dụng lao động khác (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp cho thuê).

2. *Bên thuê lại lao động* là doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu nhân lực trong một thời gian xác định đã yêu cầu doanh

ng nghiệp cho thuê lại lao động cung ứng người lao động phù hợp để sử dụng bù vào chỗ làm việc thiếu hụt người lao động.

3. *Người lao động thuê lại* là người lao động có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, đã ký hợp đồng lao động với doanh nghiệp cho thuê, được doanh nghiệp cho thuê trả lương và đảm bảo các quyền lợi khác để làm việc theo sự điều hành của bên thuê lại lao động trong một thời gian xác định.

Trường hợp người lao động thuê lại là người nước ngoài, thì ngoài việc tuân thủ các quy định của Nghị định này còn phải tuân thủ các điều kiện được quy định tại Nghị định số /2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về lao động người nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

Điều 4. Các hành vi bị cấm đối với hoạt động cho thuê lại lao động

1. Đối với doanh nghiệp cho thuê.

a. Hợp đồng cho thuê lại lao động, hợp đồng lao động có điều khoản ngăn cấm người lao động và bên thuê lại lao động thoả thuận tuyển dụng chính thức người lao động vào làm việc sau khi hết hạn hợp đồng lao động.

b. Cho doanh nghiệp khác mượn tên mình để hoạt động cho thuê lại lao động.

c. Trả tiền lương và chế độ khác cho người lao động thuê lại thấp hơn so với nội dung đã thoả thuận với bên thuê lại lao động.

d. Thu phí đối với người lao động cho thuê lại.

đ. Thời hạn cho thuê lại lao động không tuân theo quy định tại Điều 28 của Nghị định này.

e. Thực hiện hoạt động thuê lại người lao động nhằm mục đích cung ứng lao động giữa doanh nghiệp cho thuê lại lao động với doanh nghiệp khác trong Công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế mà doanh nghiệp cho thuê lại lao động này là doanh nghiệp thành viên.

2. Đối với bên thuê lại người lao động.

a. Thu phí đối với người lao động thuê lại.

b. Cho người sử dụng lao động khác thuê lại người lao động đã thuê.

c. Sử dụng người lao động thuê lại vượt quá thời hạn cho thuê lại lao động được quy định trong Nghị định này.

d. Sử dụng người lao động thuê lại để làm các công việc có thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên.

Trường hợp bên thuê lại lao động vi phạm điểm c, điểm d khoản 2 Điều 4 của Nghị định này, thì ngoài việc bị xử lý vi phạm hành chính, bên thuê lại lao động phải giao kết hợp đồng không xác định thời hạn với người lao động thuê lại khi hợp đồng lao động của doanh nghiệp cho thuê với người lao động thuê lại hết hiệu lực.

Chương II

ĐIỀU KIỆN, THỦ TỤC, THẨM QUYỀN CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG CHO THUÊ LẠI LAO ĐỘNG

MỤC I

ĐIỀU KIỆN CẤP PHÉP HOẠT ĐỘNG CHO THUÊ LẠI LAO ĐỘNG

Điều 5. Doanh nghiệp được hoạt động cho thuê lại lao động khi có đủ các điều kiện sau

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoạt động cho thuê lại lao động theo quy định của pháp luật.
2. Đã thực hiện ký quỹ ít nhất 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng).
3. Có giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động do Bộ lao động – Thương binh và Xã hội cấp theo quy định của Nghị định này.

Điều 6. Điều kiện về vốn pháp định đối với hoạt động cho thuê lại lao động

1. Mức vốn pháp định đối với ngành nghề kinh doanh hoạt động cho thuê lại lao động là 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng).

Doanh nghiệp cho thuê phải duy trì mức vốn điều lệ không thấp hơn mức vốn pháp định nêu trên trong suốt quá trình hoạt động.

2. Hồ sơ chứng minh điều kiện về vốn pháp định quy định tại khoản 1 nêu trên bao gồm:

a) Biên bản góp vốn của các cổ đông sáng lập đối với công ty cổ phần hoặc của các thành viên sáng lập đối với công ty trách nhiệm hữu hạn có từ hai thành viên trở lên; quyết định giao vốn của chủ sở hữu đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; bản đăng ký vốn đầu tư của chủ sở hữu doanh nghiệp đối với doanh nghiệp tư nhân và đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà chủ sở hữu là cá nhân;

b) Đối với số vốn được góp bằng tiền, phải có xác nhận của ngân hàng thương mại được phép hoạt động tại Việt Nam về số tiền ký quỹ của các thành viên sáng lập;

c) Đối với số vốn góp bằng tài sản, phải có chứng thư của tổ chức có chức năng định giá ở Việt Nam về kết quả định giá tài sản được đưa vào góp vốn. Chứng thư phải còn hiệu lực tính đến ngày nộp hồ sơ tại cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền.

3. Đối với doanh nghiệp nước ngoài liên doanh với doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp nước ngoài, thì ngoài việc thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 điều này, doanh nghiệp phải có đủ điều kiện sau:

Doanh nghiệp nước ngoài phải là doanh nghiệp chuyên kinh doanh cho thuê lại lao động, có số vốn và tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp từ 10.000.000.000 đồng (mười tỷ đồng) trở lên; đã có thời gian hoạt động kinh doanh liên tục từ năm năm trở lên; có giấy chứng nhận của cơ quan có thẩm quyền của nước sở tại chứng nhận doanh nghiệp và người đại diện cho phần vốn góp của doanh nghiệp đối với doanh nghiệp liên

doanh trong liên doanh với doanh nghiệp Việt Nam chưa có hành vi vi phạm pháp luật nước sở tại hoặc pháp luật của nước có liên quan.

Điều 7. Địa điểm đặt trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp cho thuê

1. Địa điểm đặt trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp cho thuê phải ổn định và có thời hạn ít nhất từ một năm trở lên; nếu là nhà thuộc sở hữu của người đứng tên đăng ký kinh doanh thì trong hồ sơ đăng ký kinh doanh phải có giấy tờ hợp lệ, nếu là nhà thuê thì phải có hợp đồng thuê nhà có thời hạn thuê từ một năm trở lên.

2. Trường hợp chuyển địa điểm đặt trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp cho thuê, thì người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan lao động cấp tỉnh, người lao động thuê lại của mình nơi đi và nơi đến chậm nhất là mười lăm (15) ngày làm việc trước khi thực hiện việc di chuyển địa điểm.

Điều 8. Điều kiện, tiêu chuẩn đối với người đứng đầu doanh nghiệp cho thuê

Người đứng đầu doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp cho thuê phải có đủ các điều kiện sau đây:

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, có đạo đức tốt, lý lịch rõ ràng;
2. Có trình độ học vấn từ đại học trở lên.

Trường hợp làm việc cho doanh nghiệp cho thuê khác đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp còn phải thoả mãn thêm điều kiện: trong ba năm trước liền kề không làm quản lý hoặc giữ chức danh chủ chốt của doanh nghiệp đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Điều 9. Thay đổi người lãnh đạo, quản lý và thay đổi vốn điều lệ của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động cho thuê lại lao động

Khi thay đổi người quản lý và các chức vụ chủ chốt của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động cho thuê lại lao động, thay đổi mức vốn điều lệ, mức tiền ký quỹ doanh nghiệp cho thuê phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về đăng ký kinh doanh và phải đáp ứng đủ các điều kiện về cho thuê lại lao động theo quy định tại Nghị định này và phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan lao động có thẩm quyền trong thời hạn mười (10) ngày, trước ngày có sự thay đổi đó.

Điều 10. Tổ chức, cá nhân không được thành lập, quản lý doanh nghiệp kinh doanh hoạt động cho thuê lại lao động và trực tiếp thực hiện các hoạt động cho thuê lại lao động

1. Tổ chức, cá nhân mà Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp.

2. Người đang bị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính khác theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính; đang chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, cấm cư trú, quản chế, bị phạt tù được hưởng án treo đang trong thời gian thử thách hoặc bị Toà án cấm hành nghề kinh doanh hoạt động cho thuê lại lao động.

3. Người đã vi phạm các nội dung được quy định tại điều 4 của Nghị định này hoặc đã có hành vi giả mạo hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động trong thời gian 36 tháng kể từ ngày bị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý hành vi vi phạm mà tái phạm.

Điều 11. Thông báo về thời gian bắt đầu hoạt động của doanh nghiệp cho thuê lại lao động

1. Chậm nhất là mười (10) ngày làm việc trước khi bắt đầu hoạt động cho thuê lại lao động, người đứng đầu doanh nghiệp phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan lao động cấp tỉnh biết nơi đặt trụ sở, địa bàn và thời gian bắt đầu hoạt động, đồng thời phải sao gửi kèm theo bản sao hợp lệ Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động và danh sách những người lãnh đạo, người quản lý và người giữ các chức vụ chủ chốt của doanh nghiệp cho thuê lại lao động.

2. Trường hợp chuyển trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc doanh nghiệp cho thuê đăng ký kinh doanh ở tỉnh này mà mở chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc thường xuyên tiến hành hoạt động cho thuê lại lao động ở tỉnh khác thì chậm nhất mười (10) ngày làm việc trước khi tiến hành hoạt động, người đứng đầu doanh nghiệp phải thông báo bằng văn bản và gửi kèm theo danh sách và trích ngang lý lịch của những người sẽ đến làm việc tại tỉnh đó cho cơ quan lao động cấp tỉnh nơi đến biết.

MỤC II
THỦ TỤC, THẨM QUYỀN CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG
CHO THUÊ LẠI LAO ĐỘNG

Điều 12. Hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động

Hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động gồm:

1. Văn bản đề nghị cấp Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động của doanh nghiệp theo mẫu tại Phụ lục số 01 kèm theo Nghị định này;
2. Giấy chứng minh đủ điều kiện về vốn theo quy định;
3. Giấy chứng nhận việc đã thực hiện ký quỹ theo quy định tại Nghị định này;
4. Sơ yếu lý lịch của người lãnh đạo điều hành hoạt động cho thuê lại lao động có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền kèm theo giấy tờ chứng minh đủ điều kiện theo quy định tại Điều 8 của Nghị định này;
5. Danh sách trích ngang cán bộ chuyên trách trong bộ máy hoạt động cho thuê lại lao động do người đứng đầu doanh nghiệp xác nhận, gồm các nội dung: họ tên, ngày tháng năm sinh, chức vụ, trình độ chuyên môn, trình độ ngoại ngữ, nhiệm vụ được giao.

Điều 13. Thời hạn của giấy phép

Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội cấp cho doanh nghiệp có thời hạn tối đa không quá 36 (ba mươi sáu) tháng.

Mỗi lần gia hạn tiếp theo không quá 36 (ba mươi sáu) tháng.

Điều 14. Thẩm quyền cấp, gia hạn, thu hồi giấy phép.

1. Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quyết định và chịu trách nhiệm về việc cấp, gia hạn, thu hồi giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động đối với doanh nghiệp cho thuê.

2. Doanh nghiệp cho thuê nộp hồ sơ theo quy định tại Điều 12 của Nghị định này cho Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội để đề nghị cấp, gia hạn giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động .

3. Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội căn cứ vào các nội dung quy định tại Mục I, Chương II của Nghị định này và các quy định khác cơ liên quan để tiến hành xem xét việc cấp, gia hạn Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động cho doanh nghiệp kinh doanh hoạt động cho thuê lại lao động trong thời hạn ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo mẫu tại Phụ lục số 02 kèm theo Nghị định này.

Điều 15. Các hành vi bị thu hồi giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động

1. Doanh nghiệp cho thuê vi phạm một trong các quy định sau đây sẽ bị tước quyền sử dụng giấy phép:

a) Không thực hiện nghĩa vụ của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và Nghị định này.

b) Có hành vi lừa dối người lao động do cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định hoặc vi phạm các quy định tại khoản 1 điều 4 của Nghị định này.

c) Bị xử phạt hành chính do vi phạm pháp luật lao động ba lần trong năm hoặc có một hành vi vi phạm bị xử phạt 3 lần.

d) Không hoạt động sau 6 tháng từ ngày được cấp giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động hoặc không nộp bổ sung tiền ký quỹ sau thời hạn được quy định tại điều 20 của Nghị định này mà không có lý do chính đáng

đ) Không thực hiện việc ký quỹ theo đúng quy định

e) Chấm dứt hoạt động.

2. Trong trường hợp doanh nghiệp cho thuê bị thu hồi giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động, không được gia hạn hoặc thời hạn của giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động đã hết mà không thực hiện thủ tục xin gia hạn, thì hợp đồng lao động đã ký giữa người lao động thuê lại và doanh nghiệp cho thuê vẫn tiếp tục được thực hiện trừ trường hợp hai bên thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động.

Doanh nghiệp cho thuê lại lao động có trách nhiệm chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động thuê lại khi hai bên thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật Lao động.

Chương III

VIỆC KÝ QUỸ VÀ QUẢN LÝ TIỀN KÝ QUỸ CỦA DOANH NGHIỆP CHO THUÊ LẠI LAO ĐỘNG

Điều 16. Mục đích sử dụng tiền ký quỹ

Tiền ký quỹ được sử dụng để thanh toán, bồi thường cho người lao động thuê lại trong trường hợp doanh nghiệp cho thuê lại lao động vi phạm hợp đồng lao động với người lao động thuê lại hoặc gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động thuê lại

Điều 17. Nộp tiền ký quỹ và thủ tục nộp tiền ký quỹ

1. Doanh nghiệp cho thuê phải nộp tiền ký quỹ ít nhất là 1.000.000.000 đồng Việt Nam (một tỉ đồng) tiền ký quỹ tại ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp cho thuê mở tài khoản giao dịch chính (sau đây gọi chung là ngân hàng).

2. Doanh nghiệp cho thuê thực hiện thủ tục nộp tiền ký quỹ theo quy định của ngân hàng và tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành. Sau khi doanh nghiệp cho thuê hoàn tất thủ tục và nộp tiền, ngân hàng cấp giấy chứng nhận ký quỹ cho doanh nghiệp.

Điều 18. Lãi suất từ tiền ký quỹ

Doanh nghiệp cho thuê được hưởng lãi suất tiền gửi không kỳ hạn và sử dụng tiền lãi ngân hàng trên khoản tiền ký quỹ theo quy định của ngân hàng phù hợp với pháp luật hiện hành.

Điều 19. Điều kiện rút tiền ký quỹ

Việc rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê chỉ được thực hiện khi có một trong các điều kiện sau:

1. Có văn bản của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc doanh nghiệp cho thuê lại lao động vi phạm hợp đồng lao động với người lao động thuê lại mà doanh nghiệp cho thuê không thanh toán, bồi thường cho họ trong thời gian 60 ngày kể từ ngày xảy ra hành vi vi phạm của doanh nghiệp.

2. Có văn bản của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (đối với doanh nghiệp cho thuê lại lao động) cho phép doanh nghiệp này được rút tiền ký quỹ để thanh toán, bồi thường người lao động thuê lại trong trường hợp doanh nghiệp cho thuê lại không đủ năng lực tài chính sau xem xét yêu cầu của doanh nghiệp.

Điều 20. Nộp bổ sung tiền ký quỹ

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày tiền được rút khỏi tài khoản ký quỹ, doanh nghiệp cho thuê lại lao động phải bổ sung đầy đủ vào tài khoản tiền ký quỹ.

Sau thời hạn trên, nếu doanh nghiệp không bổ sung đầy đủ tiền ký quỹ, ngân hàng phải thông báo cho Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

Điều 21. Hoàn trả tiền ký quỹ

Tiền ký quỹ được Ngân hàng hoàn trả cho doanh nghiệp cho thuê khi có một trong các điều kiện sau:

1. Có thông báo của cơ quan có thẩm quyền về việc doanh nghiệp không được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc động cho thuê lại lao động hoặc giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động.

2. Có quyết định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc thu hồi giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động.

3. Có quyết định của Cơ quan đăng ký kinh doanh về việc thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp cho thuê lại lao động.

Điều 22. Trường hợp được rút, thủ tục rút, hoàn trả tiền ký quỹ

1. Trường hợp được rút tiền ký quỹ:

a) Doanh nghiệp cho thuê vi phạm hợp đồng lao động với người lao động cho thuê mà không đủ khả năng để bồi thường theo quy định của pháp luật.

b) Doanh nghiệp cho thuê không trả lương cho người lao động thuê lại sau thời hạn 30 ngày, kể từ ngày đến thời hạn trả lương.

c) Không đóng, chậm đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế ba tháng liên tục hoặc loại hình bảo hiểm khác mà theo quy định của pháp luật, hoặc theo cam kết giữa doanh nghiệp cho thuê với người lao động thuê lại, doanh nghiệp phải có nghĩa vụ thực hiện.

d) Người lao động thuê lại bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp mà doanh nghiệp cho thuê lại không có khả năng thanh toán, chi trả, bồi thường cho họ.

Trường hợp người lao động thuê lại bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trong quá trình thực hiện công việc thuê lại lao động ở bên thuê, mà doanh nghiệp cho thuê lại đã thực hiện việc rút tiền ký quỹ nhưng vẫn không đủ khả năng thanh toán, chi trả, bồi thường cho người lao động thuê lại, thì bên thuê có trách nhiệm bồi thường cho người lao động thuê lại theo quy định tại Điều 145 của Bộ luật Lao động.,

2. Thủ tục rút, hoàn trả tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động được thực hiện theo quy định của ngân hàng và phù hợp với pháp luật hiện hành.

Điều 23. Thẩm quyền và trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về lao động đối với tiền ký quỹ

1. Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội có thẩm quyền đề nghị ngân hàng rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động để thanh toán, bồi thường cho người lao động trong trường hợp doanh nghiệp cho thuê lại lao động không chịu thanh toán, bồi thường cho người lao động thuê lại khi đã có quyết định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

2. Doanh nghiệp cho thuê lại lao động không được rút tiền ký quỹ để việc phục vụ kinh doanh hay sử dụng vào mục đích khác. Ngân hàng không được cho phép doanh nghiệp cho thuê lại lao động rút tiền ký quỹ khi chưa có ý kiến bằng văn bản của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội theo quy định tại Điều 19 và 21 của Nghị định này.

Điều 24. Trách nhiệm của Ngân hàng

1. Hướng dẫn doanh nghiệp cho thuê thực hiện đúng các quy định về mở tài khoản, nộp tiền ký quỹ vào tài khoản, sử dụng tài khoản và các quy định có liên quan đến tài khoản này.

2. Phong toả khoản tiền ký quỹ kinh doanh cho thuê lại lao động và thực hiện tính trả lãi cho số dư tiền ký quỹ theo mức lãi suất tiền gửi không kỳ hạn gửi tại ngân hàng. Cuối tháng, tính trả lãi cho doanh nghiệp và hạch toán vào tài khoản tiền gửi hay trả bằng tiền mặt.

3. Cấp giấy chứng nhận Tiền ký quỹ kinh doanh cho thuê lại lao động cho doanh nghiệp (theo Phụ lục số 3 đính kèm Thông tư này)

4. Trường hợp doanh nghiệp cho thuê vi phạm hợp đồng lao động với người lao động thuê lại hoặc gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động thuê lại mà có quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hoặc của Toà án) buộc doanh nghiệp phải bồi thường thiệt hại, Ngân hàng được quyền trích tài khoản tiền ký quỹ để thực hiện việc thanh toán đó, sau khi trừ chi phí dịch vụ Ngân hàng.

5. Yêu cầu doanh nghiệp nộp bổ sung đầy đủ số tiền phải ký quỹ trong thời hạn 30 ngày (kể từ ngày tiền được trích từ tài khoản tiền ký quỹ để thanh toán, bồi thường thiệt hại). Sau thời hạn trên, doanh nghiệp không bổ sung đầy đủ số tiền ký quỹ, Ngân hàng thông báo cho Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội để có biện pháp xử lý.

6. Hàng quý, chậm nhất vào ngày 15 của tháng đầu quý sau, các Ngân hàng có nhận tiền ký quỹ kinh doanh cho thuê lại lao động phải lập và gửi báo cáo cho Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Ngân hàng Nhà nước (Thanh tra Ngân hàng nhà nước) về tình hình nhận tiền ký quỹ kinh doanh cho thuê lại lao động của hệ thống Ngân hàng mình (theo Phụ lục số 4 đính kèm Thông tư này).

Chương IV

CÔNG VIỆC ĐƯỢC PHÉP CHO THUÊ LẠI LAO ĐỘNG

Điều 25. Mục đích của việc cho thuê lại lao động

1. Nhằm đáp ứng tạm thời sự gia tăng đột ngột về nhân lực để thực hiện đơn hàng trong khoảng thời gian nhất định.
2. Thay thế người lao động nghỉ thai sản, bị tai nạn lao động hoặc phải thực hiện các nghĩa vụ công dân hoặc giảm bớt thời giờ làm việc.
3. Cần lao động có chất lượng chuyên môn kỹ thuật cao.

Điều 26. Việc cho thuê lại lao động không được thực hiện ở những doanh nghiệp sau

1. Doanh nghiệp đang xảy ra tranh chấp lao động và đình công chưa được giải quyết hoặc để thay thế người lao động đang trong thời gian thực hiện quyền đình công.
2. Nhằm thay thế người lao động bị thôi việc vì lý do kinh tế, thay đổi cơ cấu, công nghệ hoặc sáp nhập, hợp nhất, chia tách doanh nghiệp
3. Cho thuê lao động để làm các công việc ở những nơi có điều kiện sinh sống khắc nghiệt theo danh mục do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và Bộ Y tế ban

hành, trừ trường hợp người lao động đó đã sinh sống tại khu vực trên từ đủ 03 năm trở lên.

Điều 27. Danh mục công việc được phép cho thuê lại lao động

1. Việc cho thuê lại lao động chỉ được thực hiện đối với các công việc nằm trong Danh mục công việc được phép cho thuê lại lao động ở Phụ lục số 05 kèm theo Nghị định này và thỏa mãn các nội dung được quy định tại các Điều 25, 26 của Nghị định.

2. Trường hợp công việc cho thuê lại lao động nằm trong Danh mục nghề, công việc nặng nhọc độc hại nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành, thì không được phép thực hiện việc cho thuê lại lao động đối với công việc đó.

Điều 28. Thời hạn cho thuê lại lao động

Thời hạn cho thuê lại lao động theo quy định tại khoản 2 điều 54 của Bộ luật Lao động.

Trường hợp hết thời hạn thuê lại lao động thì doanh nghiệp cho thuê lại lao động không được tiếp tục cho thuê lại người lao động với bên cho thuê lại mà người lao động thuê lại vừa hết thời hạn nêu trên.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 29. Trách nhiệm của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

1. Thực hiện quản lý nhà nước về lĩnh vực cho thuê lại lao động trong phạm vi cả nước.

2. Chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn việc ký quỹ và quản lý tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động.

3. Phối hợp với các Bộ ngành liên quan quy định nơi không được sử dụng người lao động thuê lại.

4. Thanh tra việc chấp hành pháp luật lao động và Nghị định này tại các doanh nghiệp cho thuê và doanh nghiệp thuê lại người lao động.

5. Cấp, gia hạn, thu hồi giấy phép hoạt động cho thuê lại người lao động của doanh nghiệp.

6. Quy định, hướng dẫn chế độ báo cáo định kỳ hàng năm, đột xuất của doanh nghiệp cho thuê lại lao động.

7. Phối hợp với Bộ, cơ quan ngang Bộ xử lý những vấn đề liên quan đến cho thuê lại lao động.

Điều 30. Hiệu lực thi hành.

1. Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 05 năm 2013.

Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, các tổ chức, cá nhân đang hoạt động cho thuê lại người lao động phải làm các thủ tục đề nghị cấp giấy phép hoạt động cho thuê lại người lao động theo quy định của Nghị định này.

2. Bộ lao động – Thương binh và xã hội chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- KióM to,n Nhụ n-íc;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Website Chính phủ, Người phát ngôn của Thủ tướng Chính phủ, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, - Công báo;
- Lưu: Văn thư.

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Nguyễn TÊN DÒNG

Phụ lục số 01

(Ban hành kèm theo Nghị định số /2013/NĐ-CP ngày tháng năm 2013 của Chính phủ)

**BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /LĐTBXH-GP

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm...

GIẤY PHÉP

HOẠT ĐỘNG CHO THUÊ LẠI LAO ĐỘNG

BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

- Căn cứ Bộ luật Lao động ngày 18 tháng 6 năm 2012;
- Căn cứ Nghị định số /2013/NĐ-CP ngày tháng năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết khoản 3 điều 54 của Bộ luật Lao động về cho thuê lại lao động;
- Xét đề nghị của (người đại diện doanh nghiệp): và Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép ... (tên doanh nghiệp)

Tên giao dịch:

Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp:

Điện thoại: Fax: Email:

được hoạt động cho thuê lại lao động .

Điều 2. ... (tên doanh nghiệp)

có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các quy định hiện hành của pháp luật về lao động.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

BỘ TRƯỞNG

(hoặc người được uỷ quyền)

Phụ lục số 02

(Ban hành kèm theo Nghị định số /2013/NĐ-CP ngày tháng năm 2013 của Chính phủ)

Tên doanh nghiệp

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Cấp Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động**

Kính gửi: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

1. Tên doanh nghiệp:

Tên giao dịch:

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:; Fax:; E-mail:

3. Họ và tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

4. Vốn pháp định tại thời điểm đề nghị cấp Giấy phép:

Đề nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cấp Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động.

Doanh nghiệp cam kết thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật về đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

Hồ sơ kèm theo gồm:

1.

2.

3.

.....

**TỔNG GIÁM ĐỐC
HOẶC GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP**
(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Phụ lục số 03

(Ban hành kèm theo Nghị định số /2013/NĐ-CP ngày tháng năm 2013 của Chính phủ)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY CHỨNG NHẬN TIỀN KÝ QUỸ
KINH DOANH CHO THUÊ LẠI LAO ĐỘNG

Căn cứ Nghị định số /2013/NĐ-CP ngày / /2013 của Chính phủ quy định chi tiết khoản 3 điều 54 của Bộ luật Lao động về cho thuê lại lao động.

Ngân hàng (chi nhánh Ngân hàng)

Địa chỉ:

Điện thoại liên hệ:

Chứng nhận doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Chủ tài khoản:

Chức danh của Chủ tài khoản:

Đã nộp tiền ký quỹ với tổng số tiền là:

Số tiền bằng chữ:

Tại Ngân hàng

Vào ngày tháng năm

Tài khoản

Được hưởng lãi suất: Tiền gửi không kỳ hạn

Ngân hàng (Chi nhánh NH).....

Giám đốc*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)***Phụ lục số 04**

(Ban hành kèm theo Nghị định số /2013/NĐ-CP ngày tháng năm 2013 của Chính phủ)

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH NHẬN TIỀN KÝ QUỸ
KINH DOANH CHO THUÊ LẠI LAO ĐỘNG***(Báo cáo quý..... năm.....)*

Kính gửi: - Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội

- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Thanh tra Ngân hàng Nhà nước)

Tên Ngân hàng

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Số Fax:

Tên doanh nghiệp (Chủ tài khoản)	Số tiền ký quỹ
Doanh nghiệp kinh doanh cho thuê lại lao động:	
1.	
2.	
...	
Tổng số	

Tổng giám đốc (Giám đốc)

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú: Trường hợp các chi nhánh Ngân hàng thương mại có nhận tiền ký quỹ kinh doanh cho thuê lại lao động thì cũng phải lập và gửi báo cáo này cho Ngân hàng thương mại (Trụ sở chính) để tổng hợp và gửi báo cáo cho Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Ngân hàng Nhà nước.

Phụ lục số 05

CÔNG VIỆC ĐƯỢC PHÉP CHO THUÊ LẠI LAO ĐỘNG
 (Ban hành kèm theo Nghị định số /2013/NĐ-CP ngày tháng
 năm 2013 của Chính phủ)

STT	Công việc
1	Phiên dịch
2	Thư ký và trợ lý hành chính
3	Lễ tân
4	Hướng dẫn viên du lịch
5	Hỗ trợ bán hàng
6	Hỗ trợ dự án
7	Tin học văn phòng
8	Kế toán
9	Điện, điện tử
10	Người trông coi và vệ sinh chuyên nghiệp
11	Dạy học
12	Kinh doanh
13	Tiếp thị
14	Bảo vệ